

Dư âm thời binh lửa:

TRẬN ẤP BẮC

Đặng Kim Thu

Tháng 12 năm 1960, Hà Nội cho thành lập Mặt Trận giải phóng miền Nam, mục đích che giấu ý đồ xâm lăng miền Nam bằng vũ lực và cũng để đánh lừa dư luận thế giới. Từ đó chiến tranh du kích càng ngày càng phát triển với cường độ mạnh, khiến chính phủ Ngô đình Diệm và chính phủ Mỹ lo ngại, nên cuối năm 1961, một phái bộ cố vấn quân sự Mỹ được thành lập với 3200 cố vấn lúc khởi đầu, nhưng vì du kích Việt cộng lại gia tăng hoành hành ở nông thôn; tháng 12 năm 1962 để đối phó với tình hình, chánh phủ cho tăng quân số lên 220 ngàn, đồng thời số cố vấn cũng tăng thêm 11,300 người cùng với chiến cụ mới là trực thăng H.21 và thiết vận xa M.113 cho quân lực Việt Nam Cộng Hòa để trắc nghiệm.

Có được hai thứ chiến cụ này, khả năng cơ động được gia tăng nên quân đội Việt Nam Cộng Hòa mở những cuộc hành quân lớn vào tận các mật khu của Việt cộng, do vậy các cuộc đụng độ cũng gia tăng với cường độ mãnh liệt. Khởi đầu là trận Ấp Bắc ngày 2 tháng 01 năm 1963.

Ấp Bắc thuộc xã Tân phú Trung quận Cai lậy tỉnh Định Tường giáp ranh với tỉnh Kiến Tường (Mộc Hóa) dân số khoảng hơn 600 người, nhà cửa lưa thưa xen lẫn với những

vườn cây trái, có những gò đất thuận lợi cho Việt cộng bố trí phòng thủ.

Diễn tiến trận đánh

Theo quân sử Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu ghi lại những trận đánh lớn để làm tài liệu cho Tổng Cục quân huấn nghiên cứu, phổ biến cho các quân trường học tập thì trận Ấp Bắc xảy ra như sau:

Tình hình địch:

Tin tức tình báo cho biết một Đại đội thuộc Tiểu đoàn 514 cơ động tinh Mỹ Tho có mặt tại ấp Tân-Thới nằm sát phía bắc của Ấp Bắc. Một nguồn tin khác cho biết có đài phát thanh Việt Cộng được thiết lập tại Ấp Bắc và một trung đội địa phương quân châu thành Mỹ Tho sau khi đã đánh áp chiến lược Giồng Dứa cũng về trú đóng tại Ấp Bắc.

Đại tá Bùi Đình Đạm vừa mới nhận chức Tư lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh do Thiếu tướng Huỳnh Văn Cao giao lại để nhận chức Tư lệnh Vùng 4 Chiến Thuật tân lập ngày 01 tháng 01 năm 1963.

Ông cho soạn thảo một kế hoạch hành quân bao vây tiêu diệt địch. Cuộc hành quân có tên là hành quân Đức Thắng I bao gồm ba mũi tấn công, nỗ lực chính là Tiểu Đoàn 2



Trung Đoàn 11 Sư Đoàn 7 Bộ Binh được trực thăng vận xuống phía bắc của khu vực hành quân. Các đại đội Bảo An thuộc Tiểu Khu Định Tường sẽ tấn công từ hướng nam lên. Đại úy Lý Tông Bá Đại đội Trưởng Đại đội 7 Cơ Giới (tiền thân của Chi đoàn Thiết vận xa) sẽ đánh bọc ngang từ hướng Tây Tây Nam. Hai Đại đội Biệt Động Quân do Đại úy Sơn Thương chỉ huy được tàu Hải Quân vận chuyển theo ngã Kinh Ba tiến vào vùng hành quân từ phía Đông làm lực lượng án ngữ.

Cuộc hành quân khai diễn ngày 2 tháng 01 năm 1963, theo đúng kế hoạch: hai Đại đội Bảo An từ xã Diêm Hy tiến vào ấp Cai tổng Vàng, xã Tân Phú liền bị Việt cộng phục kích sẵn, nổ súng gây tử thương một đại đội trưởng một đại đội phó và 8 binh sĩ làm cho cánh quân này phải bị khựng lại không tiến quân được. Cánh hải quân chở hai đại đội Biệt động quân cũng bị Việt Cộng hai bên bờ bắn ngăn chặn gây trở ngại cho công cuộc tiến quân.

Trong khi đó 12 chiếc trực thăng H.21 chở Tiểu Đoàn 2/11 Sư Đoàn 7 BB đổ xuống phía Tây Ấp Bắc do không có phi pháo yểm trợ và cũng không có tiền xạ kích dọn bãi, Việt cộng từ trong ấp, dưới các công sự kiên cố tác xạ dữ dội vào bãi đáp gây cho một trực thăng bị bắn hạ ngay tại bãi đáp một chiếc khác bị trúng đạn cố bay ra khỏi trận địa nhưng cũng bị rớt xuống một thửa ruộng cách đó không xa, chiếc thứ ba đáp xuống định cứu phi hành đoàn, bị trúng đạn rơi trước hướng tiến quân của Đại đội 7 cơ giới khoảng 500 thước.

Một chiếc trực thăng khác đáp xuống cạnh hai chiếc trực thăng bị rơi cũng để cứu phi hành đoàn liền bị bắn lật ngược xuống ruộng, hai phi công được cứu thoát, nhưng cơ khí viên bị tử thương.

Đại úy Lý Tông Bá được lệnh đem thiết vận xa tấn công vào Ấp Bắc để cứu phi hành đoàn, bị Việt cộng tác xạ mãnh



liệt gây cho tám xạ thủ đại liên 50 trên tám chiếc thiết vận xa bị tử thương ngay trong đợt tác xạ đầu tiên. Bốn hướng tiến quân của cuộc hành quân đều bị hỏa lực của địch chặn đứng.

Đến chiều ngày 2 tháng 01, do yêu cầu của tướng Huỳnh Văn Cao, Bộ Tổng Tham Mưu tăng viện Tiểu Đoàn 8 Nhảy dù do Đại úy Trần Văn Hai làm Tiểu đoàn trưởng. Khoảng hơn 6 giờ chiều, đợt nhảy dù đầu tiên do Đại úy Nguyễn Đình Vinh tiểu đoàn phó cùng với hai đại đội được thả ở hướng tây Ấp Bắc; vì thả dù gần phòng tuyến của địch nên địch tác xạ dữ dội vào các cánh dù đang còn lơ lửng trên không.

Vì trời tối, dù rơi tản mác và cũng do ruộng lầy khó di chuyển, tiểu đoàn chỉ tập trung được một số ít quân, tuy nhiên tiểu đoàn 8 Nhảy dù cũng cố gắng tiến chiếm mục tiêu ba lần đều bị hỏa lực của địch đánh bật trở ra, vì không có phi pháo yểm trợ, các binh sĩ dù ở tản mác chưa gom về tiểu đoàn được thì cá nhân tự chiến đấu cả đêm.

Sáng hôm sau tiểu đoàn tiến vào Ấp Bắc thì địch đã rút lui trong đêm. Kiểm điểm lại quân số tiểu đoàn 8 Nhảy dù có 19 tử trận, 33 bị thương trong đó có một đại úy và một trung sĩ cố vấn Mỹ.

Theo ghi nhận của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 7 Bộ binh thì tổn thất của ta trong trận Ấp Bắc: 63 chết, 109 bị thương. Phía cố vấn Mỹ: 3 chết, 6 bị thương. 5 trực thăng bị bắn rơi; 3 chiếc M.113 bị bắn cháy.

Lý do thất trận: đầu tiên là tin tức tình báo không chính xác, khi ước lượng địch chỉ có một đại đội cộng với một trung đội du kích, nhưng thực tế là tiểu đoàn 514 cơ động tinh Mỹ tho và một đại đội của tiểu đoàn 261 chủ lực miền. Lý do kế tiếp là “trực thăng vận” mà không cho tiền xạ kích dọn bãi đáp trước; khi đổ quân không có trực thăng võ trang yểm trợ và bãi đáp quá gần tuyến phòng thủ của địch mà địch thì lại không bị hủy diệt bởi các cuộc oanh tạc dọn bãi đáp nên địch đàn áp ngay cuộc đổ quân khi trực thăng vừa mới chạm đất, thành ra lực lượng hành quân bị thiệt hại ngay từ lúc khởi đầu, trong đó sĩ quan tiền sát viên pháo binh cũng tử trận, không có người thay thế.

Riêng về lực lượng thiết giáp thì theo Đại úy Lý Tông Bá đã cho rằng nguyên nhân chính đưa đến những khó khăn cho thiết vận xa là không có pháo tháp chắn đạn cho xạ thủ đại liên 50 nên nhiều xạ thủ tử thương ngay những phút chạm súng đầu tiên, ngoài ra thiết vận xa không có lực lượng bộ binh từng thiết. Rút kinh nghiệm sau trận Ấp Bắc, căn cứ 80 yểm trợ quân cụ thuộc Nha Quân cụ, Bộ Tổng tham mưu mới cho thiết kế và chế “lá chắn đạn” cho xạ thủ và cũng từ kinh nghiệm này trong các cuộc hành quân của thiết giáp luôn luôn có bộ binh từng thiết.

Trong khi đó Trung tá John Paul Vann cố vấn trưởng Sư đoàn 7 Bộ binh trách móc Đại tá Bùi Đình Đạm rằng: “Đại đội Bảo An dậm chân tại chỗ không chịu tiến quân vì sợ chết. Lực lượng thiết giáp cũng cố tình không muốn tiến quân để cứu phi hành đoàn. Sau cùng, là đã cho lực lượng Nhảy Dù nhảy sát phòng tuyến của địch, như thế là các ông muốn củng cố cho sự bại trận hơn là muốn tăng cường cho

một chiến thắng.”

Đô đốc H.D Felt Tư lệnh Mỹ ở Thái bình Dương đến Saigon vài ngày sau trận Ấp Bắc đã khiển trách nặng nề Phái bộ viện trợ quân sự Mỹ tại Việt Nam về những sai lầm nói trên.

S. Karnow thì nói rằng sở dĩ các sĩ quan Việt Nam không nghe lời cố vấn Mỹ vì Trung tá Vann từng nổi tiếng về việc xem thường các sĩ quan Việt Nam và có phong cách của một người đi giáo dục dân bản xứ hơn là làm cố vấn.

Còn D.R. Palmer (trong phái đoàn của Đô đốc Felt) thì phát biểu: “Trung tá Vann là cấp chỉ huy quân sự giỏi, nhưng không thể là cố vấn được.”

Trở lại trận Ấp Bắc, nó đánh dấu một khúc quanh quan trọng về mặt quân sự lẫn chính trị cho chiến tranh Việt Nam và nền đệ nhất Cộng Hòa của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Thật vậy, trước đây bọn Việt Cộng từ thế yếu, chỉ đánh lên rồi chạy, bây giờ lại dám công khai đương đầu với một lực lượng hành quân qui mô và gây tổn thất nặng nề cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa với chiến cụ mới vừa được Mỹ trang bị “trục thẳng và thiết vận xa M.113”



Trận Ấp Bắc còn tạo ra sự đổ kỵ giữa các ký giả thiên tả hay phản chiến Mỹ với chính phủ Ngô Đình Diệm và tòa đại sứ Mỹ ở Saigon.

Trong lúc trận chiến đang tiếp diễn, Francois Sully một phóng viên kỳ cựu đã viết trên tuần báo Times: “Khoảng 1200 quân của Sư đoàn 7 Bộ binh, quân đội Chính phủ miền Nam Việt Nam với trực thăng và thiết vận xa yểm trợ đang đụng độ mãnh liệt với gần 350 quân du kích Việt cộng ở Ấp Bắc thuộc tỉnh Định Tường thuộc vùng châu thổ sông Mékong (Cửu long). Cuộc đụng độ đã gây thiệt hại cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa nên phải thả một Tiểu đoàn Nhảy dù xuống chiến trận để tăng cường cho lực lượng bộ binh.” Rồi bài báo kết luận: “Trận Ấp Bắc là một thất bại lớn của quân đội Việt Nam Cộng Hòa và cho thấy chính phủ Ngô Đình Diệm không có năng lực để tiêu diệt Việt cộng.” Phóng viên chiến trường Francois Sully còn mô tả chi tiết về sự chỉ huy yếu kém, lỏng lẻo của cấp chỉ huy trong bộ máy quân sự của chế độ Ngô Đình Diệm mà trong hơn tám năm được Mỹ huấn luyện với cả núi quân cụ.

Tóm lại, báo chí nước ngoài sẵn có thành kiến với chính phủ, chỉ tìm cách khai thác các nhược điểm của V.N.C.H và đồng minh Hoa Kỳ. Họ lại diễn đạt thêm rằng thất bại tại Ấp Bắc là một dấu hiệu báo trước miền Nam Việt Nam sẽ chịu hiểm họa của Cộng sản, vì họ nghĩ rằng du kích Việt Cộng dám trụ lại để chống trả và thắng trận trên chiến trường đồng bằng là một bước tiến dài của du kích quân lúc bấy giờ.

Khi tin tức về chiến sự ở Việt Nam được tung ra bởi truyền thanh và báo chí ở Mỹ đề cập đến trận Ấp Bắc ngày 3 tháng 01-1963 thì ở Saigon, chính phủ và ngoại giao đoàn lo chúc tụng sinh nhật Tổng Thống Diệm, nên ông Diệm cũng chưa nhận được tin chiến sự từ Vùng 4 của tướng Huỳnh Văn Cao báo cáo; ngay cả Đại sứ Nolting cũng chưa



nhận được tường trình từ phái bộ cô vân Mỹ, vậy mà dư luận ở Mỹ đã xôn xao, khiến cho chính phủ Kennedy bắt đầu thay đổi sách lược đối với Việt Nam Cộng Hòa.

Trước đây cũng chính phóng viên Francois Sully đã đăng một bài báo trong tạp chí Newsweek vào tháng 9-1962 phê bình về đường lối chỉ đạo chiến tranh của chính phủ Ngô Đình Diệm, rồi lần này trong trận Ấp Bắc ông cũng viết những điều bất lợi cho chính phủ nên Tổng Thống Diệm ra lệnh trục xuất ông. Sau khi nên Đệ nhất Cộng Hòa sụp đổ, Tướng Dương Văn Minh cho phép ông trở lại Việt Nam, sau này ông bị tử nạn trực thăng chung với tướng Đỗ Cao Trí .

Đã từ lâu, chiến tranh du kích đã làm cho các cố vấn Mỹ đau đầu, vì du kích trà trộn, lẫn lộn trong dân, khi ẩn, khi hiện, bắn phá rồi trốn vào dân, khó tìm để tiêu diệt; các cố vấn quân sự Mỹ ao ước bọn du kích cộng sản chịu xuất hiện đối đầu trực diện trên chiến trường để Mỹ sử dụng những ưu thế về hỏa lực phi pháo và kỹ thuật quân sự để tiêu diệt chúng. Thế nhưng tại trận Ấp Bắc khi quân Việt cộng chấp nhận giao chiến thì trực thăng và thiết vận xa chưa phải là phương tối ưu để đem lại chiến thắng mong muốn, mà

ngược lại đã bị thất bại.

Mặc dù ở thời điểm này Việt cộng chưa được trang bị các vũ khí chống chiến xa và chưa kiện toàn chiến thuật chống trực thăng vận, tuy nhiên ưu thế của trực thăng và thiết vận xa đã không còn hữu hiệu nữa từ sau trận Ấp Bắc.

Trên thực tế, ít người biết rằng Việt Cộng cũng bị tổn thất nặng nề về nhân mạng, do chính họ sau này đã thú nhận:

Trong quyển hồi ký tựa đề: “Bến Tre: quê hương đồng khởi” do nhà xuất bản Đồng Khởi phát hành năm 1986, ông Ba Đào cựu Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 516 V.C là tác giả đã viết: “Trong trận Ấp Bắc, hai đại đội Đồng Khởi phân đông là lính mới của tôi (tức là Ba Đào) đưa lên tăng viện mất tên luôn. Số còn sống sót trốn về quê hết sạch. Hai ban chỉ huy Đại đội chỉ sống sót một đại đội phó nhưng cũng bị thương cut một chân.”

Từ khi quân đội Việt Nam có trực thăng và thiết vận xa, hai chiến cụ này đã gây thiệt hại rất nặng cho Việt cộng mà quyển sách: “Gửi người đang sống - Lịch sử Đồng tháp mười” do nhà xuất bản T.P Hồ chí Minh 1993 đã viết: “Ngày 5 tháng 5-1962 lần đầu tiên ở ven tháp mười, 15 “chốt bay” do Mỹ lái thực hiện cuộc đổ bộ vào mật khu Cà Dân của ta ở xã Mỹ Phước Tây – Cai Lậy. Trận này nó gây thiệt hại cho ta không nặng lắm, nhưng những chiến sĩ ở đây lấy làm ngạc nhiên về sự xuất hiện bất ngờ và nhanh của nó; dần dần chúng ta thấy quả thật thứ này nguy hiểm, nó thoát đến rồi thoát đi sau cuộc bắn phá tội bời. Trai Lòn xã Tân Ninh nơi trước đây đã vùi chôn nhiều xác lính Sư đoàn 7 nguy, nhưng cũng chính tại trận địa này “trực thăng vận”, “thiết vận xa” đã gây thiệt hại nặng cho Tiểu đoàn 261 chủ lực miền của ta. Ngày 18 tháng 8-1962 ở xã Tân Hòa Đông trực thăng vận và thiết vận xa đánh trúng công trường và trạm quân y tỉnh Mỹ Tho, phá nát căn cứ, 30 chiến sĩ mới hy sinh trong lúc đang chuẩn bị lên chiến trường miền Đông.”

Trận ác chiến ở Hưng Thanh, Mộc Hóa tháng 9-1962 để lại quang cảnh “dưới kinh máu đỏ, trên bờ thây phơi”. Tiểu đoàn 514 Mỹ tho chí giết được 10 tên giặc nhưng ta mất đi nhiều chiến sĩ, công cả số cơ quan là 52 người, trong số đó có “đồng chí” Năm Kiên ủy viên thường vụ Tỉnh ủy.

Lực lượng chiến tranh nhân dân chưa ngăn chân được đà lấn lướt của trực thăng vận, thiết vận xa, ba mũi giáp công cũng do đó mà lúng túng trong lúc sư thiết hai cứ tăng lên. Ở Mỹ Tho chưa hết mùa mưa năm 1962 đã có 143 du kích hy sinh, 33 bị thương, 240 chiến sĩ bị bắt, mất 172 súng. Có trận ngót 27 đồng chí “cán bộ mùa thu” hy sinh. Du kích ở hơn 30 xã phải ly hương, nhiều đơn vị buộc phải phân tán. Bô đội liên tục di chuyển, có khi một đêm vượt ba bốn xã liền.

Cộng sản hốt hoảng vì chưa tìm được biện pháp để đối phó với các cuộc hành quân trực thăng vận của quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Trong quyển: “Lịch sử kháng chiến chống Mỹ” tập 3, nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia phát hành tại Hà Nội 1997 có ghi: “Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong bài diễn văn đọc vào ngày 2 tháng 9 -1962 đã công khai xác nhận: ...đồng bào miền Nam ruột thịt đang phải đối đầu với những thử thách cam go và to lớn ...cho đến năm 1962 chiến tranh giải phóng của ta đã bị khựng lại, không được triển khai đúng đắn và do đó cần phải nghiên cứu xem xét lại .” Do đó thất bại tại Ấp Bắc là một cơ hội “ngàn năm một thuở” cho bộ máy tuyên truyền của cộng sản. Trong quyển “lịch sử chống Mỹ cứu nước 1954-1975” của Bộ Quốc Phòng Hà nội đã huênh hoang tự đắc viết rằng: “Trận Ấp Bắc chứng tỏ quân đội giải phóng và nhân dân ta hoàn toàn có khả năng để đánh bại chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ .”

Thật ra, dù cộng sản có tuyên truyền cỡ nào thì cũng chẳng ảnh hưởng mấy đến dư luận của dân chúng Mỹ, mà tác hại nhất chính là báo chí, truyền thanh Mỹ, các phóng



viên thiên tả, đã có thành kiến với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, từ Saigon gửi bản tin kèm theo lời bình luận về Mỹ, cứ liên miên “vạch lá tìm sâu” kể tội bên ta mà chẳng đề cập tới những tội ác tày trời của Việt cộng. Họ có biết đâu bọn du kích Việt cộng trà trộn vào với dân, bám vào dân đến khi bị ta tiêu diệt thì họ tuyên truyền với thế giới là “Mỹ-Ngụy” giết hại dân lành Việt Nam. Cái khó khăn khác nữa là người Mỹ không thể phân biệt sự khác nhau giữa một tên Việt Cộng mặc áo quần giống như một nông dân chất phát ở miền quê Việt Nam với những người dân thật sự.

Một điều oái oăm nữa là trước khi xảy ra trận Ấp Bắc, quân ta đã tạo những chiến thắng không kém lẫy lừng mà chẳng có một bài báo nào của Mỹ đề cập đến. Thí dụ điển hình là hồi tháng 12 năm 1962 chính các đơn vị của Sư Đoàn 7 Bộ Binh với Đại Đội 334 Biệt Động Quân biệt lập của Đại Úy Sơn Thương và Đại Đội 7 Cơ Giới của Đại Úy Lý Tông Bá trong cuộc hành quân ở Đồng Tháp Mười đã chiến thắng lớn với hơn 150 V.C bỏ xác tại chỗ, rồi đến trận rừng tràm Mộc Hóa với hàng trăm súng đủ loại bị tịch thu, kế tiếp là trận An Thạnh Thủy quận Chợ Gạo tỉnh Mỹ

Tho quân ta giết gọn đại đội địa phương V.C tịch thu cả súng SKZ 57 ly, RPD, thượng liên và hàng mấy chục súng trường đủ loại . Đã là phóng viên chiến trường, thế sao họ lại bỏ qua không tường thuật những chiến thắng này cho dân Mỹ nghe.

Mãi đến sau này, khi chiến cuộc đã chấm dứt, tác giả N. Sheehan viết quyển sách nói về chiến tranh Việt Nam với tựa đề: “A Bright Shinning Lie” xuất bản tại Anh quốc 1989, chỉ một trận đánh được nhắc đến, đó là trận Ấp Bắc.

Trong năm 1963 với chiến dịch “Sóng tình thương” Thủy quân lục chiến của ta dẫm nát căn cứ địa của Việt cộng ở Năm Căn, Cà Mau giết hàng trăm tên, tịch thu nhiều súng đủ loại . Cũng trong năm 1963, cũng TQLC đã gây tổn thất nặng nề cho V.C khi giải vây cho quận Đầm Dơi, Cà Mau. Hai chiến thắng lớn nhất của VNCH trong năm 1963 lại chẳng được truyền thông Mỹ phổ biến.

Cái lối tuyên truyền một chiều và thiên lệch ấy đã khiến cho dân Mỹ có nhiều băng khuâng và ngao ngán chiến tranh rồi nảy sinh mầm mống phản chiến. Như để trả đũa vụ phóng viên Francois Sully bị Tổng thống Diệm trục xuất, phóng viên Halberstam bạn thân của Sully đã viết trên tờ báo New York Times như sau:

“Trong những tháng cuối năm 1962, tôi và những bạn khác mặc dù đã thấy chiến tranh không thể thắng nổi, nhưng chúng tôi không hiểu một cách tường tận bằng những người dân bản xứ về các sự trì trệ của chính phủ miền Nam Việt Nam, về sự lúng túng trong việc sử dụng các phương tiện cơ động cùng những chiến cụ khác và họ đã bị mất đà. Các đơn vị chiến đấu của quân đội chính phủ không muốn truy lùng địch. Việt cộng sống thoải mái hơn ở nông thôn; quân đội chính phủ không dám ra khỏi địa bàn quận. Các dân quê đang sống ở những vùng có giao tranh cho biết nhiều đồn bót đã bị Việt Cộng đánh chiếm; du kích quân ban đêm di

chuyên tự do vì lính ở đồn bót co cụm không dám ra ngoài hoạt động”.

Đề cập tới trận Ấp Bắc, Halberstam viết tiếp: “Chúng tôi nhiều lần quan sát thấy khả năng kém cỏi của quân đội chính phủ, thường không nghe lời các cố vấn Mỹ hoặc hay cãi lý. Chúng tôi cũng thường nêu lên các vụ chạm trán như vậy, tuy nhiên chúng tôi cảm thấy rất khó khăn để mô tả toàn bộ cho độc giả thấy rõ, cho nên thông thường chấm dứt bài tường thuật bằng câu: “Việt Cộng đã trốn thoát...” chứ không thể diễn tả đúng thực tế. Đối với chúng tôi cũng như các cố vấn Mỹ thì trận Ấp Bắc là điển hình cho các nhược điểm của quân đội chính phủ: thiếu sự liêu lĩnh, ngần ngại trước tổn thất, kém khả năng lãnh đạo, chỉ huy không có hệ thống.

Trong thời gian qua những thất bại tương tự như tại Ấp Bắc đã tái diễn nhiều lần dưới qui mô nhỏ hơn, mà nếu không chinh đốn kịp thời và nhanh chóng thì sẽ gây ra những hậu quả khó lường hơn trong tương lai.”

Vì thấy bài báo gây ảnh hưởng xấu đến chính phủ Việt Nam và uy tín của Mỹ, tổng thống Kennedy yêu cầu chủ nhiệm báo New York Times thay đổi nhiệm sở của Halberstam sau bài tường thuật về trận Ấp Bắc. Với lối viết cố ý đầu độc dư luận Mỹ như vậy buộc lòng các nhà soạn thảo chính sách Mỹ đối với chiến cuộc Việt Nam bắt đầu suy nghĩ lại, trước đây họ nghĩ rằng chính phủ Ngô Đình Diệm với quân đội quốc gia có đầy đủ sức mạnh để quy tụ toàn dân đánh bại được cộng sản thì nay cái hy vọng đó trở thành ảo vọng vì đã bị các nhà báo thiên tả làm tan biến theo tiếng bom đạn của trận Ấp Bắc.

Chính phủ của Tổng thống Kennedy bắt đầu thay đổi sách lược, họ muốn chuyển quyền điều khiển cuộc chiến ở Việt Nam từ dinh Gia Long sang tòa Đại Sứ Mỹ, bước đầu cải danh Phái Bộ Cố Vấn Quân Sự Mỹ (MAAG) thành Bộ Tư Lệnh Viện Trợ Quân Sự (MACV) và để khảo sát tình

hình tại chỗ, Tổng thống Kennedy quyết định gửi một phái đoàn liên bộ do tướng Taylor cố vấn quân sự của Kennedy đứng đầu sang Việt Nam.

Phái đoàn tới Saigon tìm hiểu tình hình, họ nhận thấy tâm trạng của người dân ở vùng quê bị giao động nhiều vì những hoạt động của Việt cộng càng ngày càng gia tăng cường độ mạnh bạo.

Tướng Taylor cũng ghi nhận những yếu kém của chính quyền Saigon: tình báo thiếu chính xác, quân đội không có sáng kiến, phòng thủ thụ động và thanh tra kém. Tướng Taylor nói với Tổng thống Diệm: “Người Mỹ muốn có một sự liên hệ chặt chẽ, mật thiết hơn là chỉ giúp cố vấn như hiện tại. Chính phủ Mỹ muốn tham dự vào những quyết định về đường lối chính trị, kinh tế và quân sự khi những chính sách này có ảnh hưởng tới tình hình an ninh.

Tổng thống Diệm thẳng thắn trả lời một cách ngắn gọn: “Chúng tôi không muốn đưa đất nước Việt Nam trở lại thời kỳ thuộc địa.”

Tướng Taylor trở về Mỹ báo cáo với Hội Đồng An Ninh Quốc Gia những ghi nhận đã ghi trên. Tướng Harriman thành viên trong hội đồng phát biểu: “Nếu ông Diệm không theo ý chúng ta thì bắt buộc chúng ta phải tìm chọn một người lãnh đạo khác chịu nghe chúng ta.”

Ông Chester Cooper, một phân tích gia của cơ quan tình báo CIA thì phát biểu rằng: “Ông Diệm luôn tỏ ra lo sợ chủ quyền Việt Nam bị chúng ta xâm phạm, nhưng chúng ta thì biết tất cả những gì cần thiết để đánh bại Cộng sản mà cứ bị ông Diệm cản trở.”

Riêng Đại sứ Mỹ Notting ở Saigon lại tỏ ra bình vực Tổng Thống Diệm; ngày 11 tháng 7-1963 ông gửi công điện về Hoa thịnh Đồn yêu cầu chống lại việc bôi nhọ ông Diệm và chấm dứt bàn tán về chuyện hạ bệ ông.

Nolting cho rằng các nhà báo Mỹ ở Việt Nam luôn tìm



bất cứ một sai lầm nào của chính phủ để thôi phong lên. Trận đánh Ấp Bắc ở Mỹ Tho mặc dù có vài sai lầm nhưng có quá đáng như báo chí đã tường thuật. Những bài báo của họ đã phản ánh sự thù ghét chính phủ Saigon và mục đích của họ là cương quyết lật đổ chính phủ Ngô đình Diệm, như vậy về luân lý chức nghiệp của phóng viên báo chí có chính đáng với lương tâm của nghề làm báo không?

Khi tổng thống Kennedy đã quyết định cho “thay ngựa giữa đường” thì Henry Cabot Lodge được chọn để thay thế Nolting làm đại sứ Việt Nam Cộng Hòa. Nghĩ cũng đáng ngạc nhiên và thấy cũng hay hay khi mà một người đứng đầu của đảng Cộng hòa (Cabot Lodge) lại được bổ nhiệm để thi hành một chính sách còn đang giấu kín của một tổng thống thuộc đảng Dân Chủ (Kennedy).

Ông Cabot Lodge là người dày kinh nghiệm ngoại giao và cũng được một vài chính khách Mỹ mệnh danh ông là “chuyên viên đảo chánh.”

Chính ông Ngô Đình Nhu cũng “đánh hơi” được điều đó nên bà Nhu lấy tư cách là dân biểu quốc hội (thay mặt chồng) phàn nàn rằng Tổng thống Kennedy đã cử qua Việt Nam một “quan toàn quyền”.

Còn những người Mỹ chống đối chế độ Ngô Đình Diệm và chính khách đối lập ở Việt Nam tỏ ra vẻ hơn hờ vì họ biết vị tân đại sứ Mỹ sẽ cao tay lèo lái tình hình, tạo ra cơ để làm sụp đổ chính phủ Ngô Đình Diệm.

Tuy vậy cũng còn vài chính khách Mỹ có liên hệ như cựu đại sứ Nolting, sau khi ông Diệm bị ám hại, tỏ ra chán ngán với hành xử của chính phủ Mỹ khiến cho ông Diệm bị thăm sát, ông đã xin từ chức hẳn khỏi ngành ngoại giao vào đầu năm 1964. Sau đây là một đoạn trích trong đơn xin từ chức của Nolting trình cho Tổng thống Johnson vừa mới kể nhiệm Kennedy:

“Quyết định của tôi xuất phát từ sự bất mãn trước các hành động liên quan đến biến cố mùa thu năm trước xảy ra tại Việt nam mà tôi đã đoán biết hậu quả của nó sẽ ra sao.”

Tướng Taylor thì sau này cũng bực bực nổi lòng trong hồi ký: “...sự tưởng nhớ ông Diệm đã ám ảnh nhiều người trong chúng tôi khi họ nhận ra hậu quả của sự sụp đổ đó. Trong thâm tâm chúng ta tự thấy có trách nhiệm đối với tình thế của miền Nam đang diễn ra rồi ren liên miên cho người Việt Nam khiến cho chúng ta nhận thức được sai lầm của mình đã gây ra sự bất ổn này và càng làm cho chúng ta hối hận thêm.”

Thế mới biết vai trò của truyền thông, báo chí có sức công phá mạnh hơn cả bom đạn; họ đầu độc dư luận Mỹ, đem âm vang tiếng súng từ trận Ấp Bắc xa xôi hẻo lánh ở vùng Đồng Tháp Việt nam về tận thủ đô Hoa Thịnh Đốn để lung lạc lòng nhân ái của người Mỹ khiến dân Mỹ nao núng, dẫn đến chính quyền Kennedy phải thay đổi chính sách, đành nhúng tay vào làm sụp đổ một chế độ hợp hiến và kết liễu cuộc đời vị Tổng Thống của nền Đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam.

Đặng Kim Thu

Thương Người ĐỘ LƯỢNG

Vĩnh Chánh



Vì lơ mê Hoa Dù Mũ Đỏ từ thừa còn nhỏ, nên tình nguyện vào Quân Y Nhảy Dù sau khi tốt nghiệp, giữ chức vụ Y Sĩ Trưởng TĐ1ND rồi TĐ15ND. Ngày 30 tháng 4, 1975 vẫn sát vai với TĐ15ND tại Cầu Bình Triệu/ nhà thờ Fatima. Tù cải tạo 2 năm 2 tháng. Vượt biên tháng 9, 1979. Hành nghề BS Gia Đình và Cấp Cứu tại Hoa Kỳ từ năm 1982. Nay đã về hưu và ngụ tại Mission Viejo, CA.”

Viết tặng các phụ nữ sống trong thử thách và nghịch cảnh

Thưa trời đất nổi cơn gió bụi

Khách má hồng nhiều nổi truân chuyên

Khi gia đình chúng tôi dời chuyển đến xóm, Anh đang học Đệ Ngũ cùng một lứa với người anh thứ hai của tôi. Sau hiệp Định Genève, di cư từ Thanh Hóa vào, chỉ có cha và Anh, rất đơn chiếc. Cùng với các đứa trẻ trong xóm, chúng tôi hay chạy theo chơi với Anh, để được nghe Anh kể chuyện ngoài nớ. Anh cũng thường đến nhà tôi chơi với anh trai và 2 chị của tôi. Đó là một người rất dễ mến, hiền hòa và

đơn sơ. Lúc cha Anh tọc huyền và có một bé gái, Anh tình nguyện vào Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt sau khi đậu Tú Tài. Vài năm sau cha Anh dọn nhà khỏi xóm. Bằng đi gần cả mươi năm, bất ngờ tôi gặp lại Anh trong bộ áo quần màu Olive Bộ Binh với cấp bậc Đại Úy khi Anh về dự đám tang của cha mình năm 1972. Vẫn một vẻ trầm lặng, dáng người cao ốm. Vẫn một cách ăn nói từ tốn nhỏ nhẹ nhưng thân tình. Anh hiện đang phục vụ cho một Tiểu Đoàn Địa Phương Quân và vừa lấy vợ vài tháng trước. Đám cưới rất đơn giản vì cha Anh già yếu không tham dự, nên Quân Đội đại diện nhà trai đi cưới vợ cho Anh. Bố vợ của Anh là một Thượng Sĩ già của Tiểu Đoàn, người thân thuộc với Anh từ bao năm qua. Tôi mừng Anh, khi Anh rút ví cho xem tấm hình người vợ xinh đẹp, một nữ sinh Trung Học.

20 năm sau, tình cờ gặp lại Anh tại California ở nhà một người bạn hàng xóm chung với nhau trước đây, chúng tôi mừng rỡ chào hỏi nhau trên đất Mỹ. Anh đã thay đổi nhiều và đi một mình. Khó nhận biết được nếu không được giới thiệu trước. Hình ảnh hiên ngang và oai vệ của một chiến sĩ năm nào tôi hằng ngưỡng mộ không còn nữa. Anh già hẳn đi, nét mặt cần cỗi, chín mùi với khổ đau, ánh mắt mệt nhọc. Lưng hơi còng và đôi vai co rút. Bước đi với những bước chân như ngần ngại khập khình. Anh và gia đình, 1 vợ 4 con được qua Mỹ theo diện HO trên một năm nay. Tôi mừng Anh đến bên bờ tự do. Sau đó Anh kéo tôi ra sân, trầm ngâm tâm sự.

Bình nghiệp Anh thăng tiến theo thời gian. Từ Trường Ban 3 Tiểu đoàn Địa Phương Quân, anh lên làm Tiểu Đoàn Phó, rồi Tiểu Đoàn Trưởng với cấp bậc Thiếu Tá giữa năm 1974. Theo con sóng di tản của Miền Trung vào cuối tháng 3, 1975, gia đình Anh đến Saigon cùng một nhóm sĩ quan và binh sĩ thuộc quyền. Lúc ấy Anh có 2 con gái, đứa lớn 3 tuổi và đứa nhỏ gần 1 tuổi. Khi Anh vừa kịp tìm ra một nơi cho gia đình Anh cùng gia đình bên vợ tạm trú ở khu Bàn Cờ, là lúc Miền Nam Việt Nam đang trên đà tan rã. Rồi tập trung cải tạo sau vụ cưỡng chiếm Miền Nam. Trời đất đen

tôi. Người người thống khổ dưới chế độ mới, sát máu, bạo tàn.

Trong suốt 10 năm tù cải tạo, qua bao nhiêu lần chuyển trại, từ Nam đến Bắc rồi Bắc trở lại Miền Nam, Anh chỉ được gia đình liên lạc 1 lần trước khi bị đưa ra Bắc và sau đó là biệt tăm. Anh không muốn nhắc nhiều đến những năm tháng sống trong các trại tập trung ở những núi rừng xa xôi lạnh lẽo, cơ cực đói khát. “Bên ngoài thì bị chúng chửi rửa mạt sát, hành hạ thể xác. Bên trong ê chề với đau đớn tuyệt vọng, niềm tin yêu cuối cùng cũng rạn nứt với cảm giác bị bỏ rơi, không một tin tức của vợ con”. Nhiều lần Anh nghĩ đến cái chết, nhưng vì bao ray rức dần vặt, bao câu hỏi chưa có câu trả lời, rồi lòng thù hận và tự trách từ từ biến Anh thành câm lặng và chai đá.

Ngày được cho về tại địa chỉ cũ “Bàn Cờ” trên tờ giấy thả tù, lòng Anh xôn xao, nhưng căng thẳng chờ đợi một bất hạnh. Anh e dè, ngỡ ngàng bước vào nhà lúc xế trưa. Hai con gái Anh, nay 13 và 11 tuổi nhìn Anh xa lạ, hoàn toàn không biết Anh là cha ngay cả khi Anh nói rõ tên họ và kêu tên chúng. Còn nàng ở đâu? Mẹ vợ cho biết nàng mang 2 đứa con nhỏ sau này về chơi bên gia đình chồng mới, sau khi nhận giấy báo Anh sẽ được thả về trong mấy ngày gần đây. Anh chết đứng như trời trồng giữa căn nhà, tê tái bên cạnh chiếc bị cũ chứa vài bộ quần áo rách do anh em bạn tù cho, lặng người nhìn 2 con gái của mình, trong khi nghe những lời phân bua của mẹ nàng.

Em nó và cả nhà đều nghĩ Anh đã chết trong tù. Hoặc già, nếu còn sống, cũng chẳng biết khi nào được cho về. Nhà ta càng lúc càng túng thiếu, tình trạng rất bi đát, chạy đâu cho ra tiền. Ông già chẳng làm được gì nên thân ngoài chuyện nghiện ngập suốt ngày. Anh đi tù có để lại tiền bạc gì đâu! Vợ con Anh cần tiền để sống, đó là chưa kể chuyện bị thôi thúc đi kinh tế mới. Cuối cùng em nó phải nghĩ đến chuyện sống còn và nuôi con. Nó mới đành phải lấy cái thằng yêu nó lúc 2 đứa cùng chung trường trung học với nhau. Anh cứ tạm ở đây đi. Nhưng xin Anh xử đẹp và hiểu là chúng đã có 2 con với nhau và nuôi luôn cả 2 con của Anh nữa...

Sét đánh ngang tai. Đất trời sụp đổ. Điều lo âu sợ hãi nhất của người cải tạo trong những ngày tháng tù đầy vô vọng đã phơi bày. Nỗi tủ nhục bị phản bội ê chề. Không một đấng đo và trong một thôi thúc nghịch lý, Anh quyết định rời nhà dù chưa biết mình sẽ đi đâu. Một quyết định nhanh chóng và sắc bén, như Anh đã từng làm nhiều lần trong lâm nguy khi Anh còn chỉ huy cả trăm quân trong trận mạc. Anh ngập ngừng đến bàn vuốt đầu 2 con rồi lặng lẽ bước ra. Thêm một lần nữa Anh là người thua cuộc, trắng tay. Anh là kẻ bại trận, Anh đã thua trong cuộc chiến lẫn trong cuộc tình. Bên ngoài, trời nắng chang chang, nhưng Anh bỗng nổi cơn lạnh run tới tận xương tủy và xâm xoàng. Như một con thú bị trúng thương, Anh lao đảo vừa đi vừa hấp tấp chạy xa căn nhà cũ trong nhặt nhòa uất ức của mồ hôi lẫn nước mắt, khiến Anh vấp té vào một xe 2 bánh và gãy cổ chân phải.

Trôi theo dòng đời của một con người không còn gì để mất thêm, Anh làm tất cả công việc lớn nhỏ, nặng nhẹ, để sống còn. Từ làm thuê ở chợ, khuân vác ở cảng, đạp xe xích lô, xe ba bánh chở hàng chở than... Rồi cũng như bao chiến hữu xưa cũ, bao bạn tù, Anh gia nhập dần vào cuộc sống bên lề xã hội, luôn mang nặng ưu tư của một thân phận thua thiệt với vết thương lòng sâu kín. Vài năm sau, Anh lấy vợ, là em gái của một bạn cùng khóa VBQG với Anh, có chồng thiếu úy bị chết ở vùng Cao Nguyên trong những tháng trước khi mất nước nay đang sống với 2 đứa con trai gần bằng tuổi con Anh. Người vợ thứ hai của Anh có một cửa hàng nhỏ nên tài chánh trong gia đình không mấy chật vật. Mỗi tháng, đôi ba lần, Anh không quên ghé thăm 2 đứa con gái, đem theo chút quà cho chúng và tiếp tục làm thân. Có lúc không tránh được, Anh phải chạm mặt người vợ trước cùng người chồng trẻ hiện tại và 2 đứa con chung còn nhỏ, một trai một gái. Trong những lần đối diện hiềm hoi ấy, sự thù hận, đau đớn và chua chát làm người Anh cứng lại và giọng nói hằn học, cộc lốc.

Rồi chương trình HO xuất hiện. Lúc đầu chẳng mấy ai tin, nhưng rồi phường khóm tiếp tục gửi giấy thông báo, thúc

giục. Sau đợt đầu tiên chính thức ra đi năm 1990, những tù cải tạo còn lại trong nước, xa gần thành phố hay bên trong các trại tù, nhìn thấy chính phủ Hoa Kỳ đang thi hành một chính sách nhân đạo để giúp đỡ những tù nhân chiến tranh bị giam cầm trên 3 năm. Anh bàn tính với vợ mới, rồi với vợ cũ. 2 con gái của Anh rập vào hồ sơ đi chung với gia đình vợ mới của Anh. Hai con gái của Anh kêu Anh là BỐ. Hai con trai của vợ sau kêu Anh bằng Tía. Tháng 4 năm 1991, Anh cùng vợ thứ hai và 4 con đến TB Wisconsin, định cư tại đó cho đến bây giờ.

Tôi ngỡ ngàng, xót xa giữ im lặng, ngồi nghe anh tâm sự. Tặng chút tiền làm quà cho các cháu, tôi cầu mong Anh được sức khỏe, gia đình hạnh phúc. Đời sống sớm ổn định, các cháu ngoan và học hành giỏi, chóng thích hợp với xã hội mới.

Tháng 10 năm 1999, Anh điện thoại hẹn dẫn Chị đến thăm chúng tôi tại nhà. Khác hẳn với 7 năm trước, Anh trông phương phi với nét mặt hồng hào, ánh mắt tinh anh trở lại. Anh thật sự nhìn trẻ hơn trước, với cách ăn nói và dáng điệu của một con người có tự tin, đầy sức sống. Như muôn tôi vừa là nhân chứng vừa là thân quen để Anh chia sẻ tâm tình, Anh đi ngay vào câu chuyện.

Đến Hoa Kỳ khi gần 50 tuổi, Anh bắt đầu cuộc sống mới bằng cách đi học lại trong 2 năm, và nay Anh là nhân viên sở công chánh nơi thành phố Anh ở. Chị làm tá viên điều dưỡng cho một viện dưỡng lão gần nhà. Cô con gái đầu thành công trong nghề nail, vừa sang lại một tiệm riêng, có chồng và một đứa con trai. Cô con gái út đang còn học năm cuối chương trình Nursing. Con trai đầu của vợ sau là một kỹ sư Điện, còn độc thân. Con trai thứ hai hiện học ngành Physical Therapy. Anh chị mua được cái nhà, ở chung với cô con gái út và 2 cậu con trai.

Tôi lên tiếng chung vui, hãnh diện với Anh về những gặt hái tốt đẹp của gia đình Anh trong thời gian ngắn chỉ 7 năm trên quê hương thứ hai này. Tôi nói ra sự nhận xét của mình khi nhìn thấy Anh mặt mày rạn rở và hạnh phúc, miệng

cười tươi thắm, thật khác hẳn khi gặp Anh lần đầu tại đất Mỹ. Hẳn phải có một điều gì huyền diệu đã xảy ra!

Một buổi chiều cách đây vài năm, theo một người bạn đến nhà thờ Tin Lành, Anh nghe vị Mục Sư rao giảng đề tài “Tha Thứ và Độ Lượng”. Tha thứ người để người tha thứ ta! Độ lượng với người cũng như độ lượng với chính mình trong mưu tìm hạnh phúc! Bài giảng như ánh sáng nhiệm màu chiếu thẳng vào tâm hồn. Vượt Anh dậy và Anh bỗng nhìn ra chân lý. Sự cảm thông sẽ dễ dàng dẫn đưa đến lòng tha thứ. Thời gian giúp xoa dịu và chữa lành bao vết thương lòng. Những lời giáo huấn đưa Anh ra khỏi hận thù uất ức. Nâng tâm hồn Anh lên khỏi sự khinh ghét, dẫn đến tình thương độ lượng. Anh may mắn tìm được niềm tin mới và sự bình an trong tâm hồn.

Qua bao nhiêu năm, Anh cũng đã từng ân hận, dằn vặt về những lỗi lầm trong đời binh nghiệp của mình. Càng nhớ đến những chiến trận, Anh càng thấy được những sai trái lớn nhỏ trong chỉ huy, những thiếu sót tham mưu, những hy sinh đáng tiếc hoặc không cần thiết của binh sĩ thuộc quyền. Có hay không Anh thực sự một vị chỉ huy giỏi, kinh nghiệm và trách nhiệm như Anh vẫn thường nghĩ?! Có hay không Anh thực sự được thương mến, kính nể mà không phải vì chức vụ thượng cấp của Anh?! Và có hay không Anh đối xử công bình, có trên có dưới, thương yêu đùm bọc thuộc cấp của mình?!

Anh chẳng thể quên tiếng khóc của cha mẹ những binh sĩ tử trận, những ai oán của cô nhi quả phụ. Như trường hợp thằng đệ tử thân tín từng theo Anh bao nhiêu năm, lo cho Anh từng bữa ăn, pha cho Anh từng ly cà phê, đào hầm ngồi canh cho Anh trong đêm, mang áo quần treo mừng cho Anh... Thế mà vì nó trình diện đơn vị trễ 15 ngày sau khi đã được nghỉ phép 1 tuần về thăm nhà, Anh nổi giận, đưa nó ra bên ngoài với trung đội tác chiến, để chưa đến 5 ngày sau thì nó bị chết vì đập mìn.

Câu chuyện về cái chết của thằng đệ tử luôn ám ảnh và dày vò lương tâm Anh. Rồi bao nhiêu thương binh, bao

hiều tử thương khác, mà Anh vẫn mãi nhớ mặt nhớ tên, nhớ luôn cả từng địa điểm đựng nặng hay đựng nhẹ, trong làng mạc, trên cánh đồng lúa, trên con đường ruộng hay cạnh bờ rừng... Chính những vui buồn đời quân ngũ đó, những hình ảnh chiến đấu đó đã đóng khung trong đầu Anh và vẫn tồn tại trong tim óc Anh qua bao năm trong tù, nhiều và nhiều gấp bội so với những kỷ niệm Anh có với vợ con.

Rồi đến chuyện Anh lấy vợ. “Ông Thầy” lấy con gái “đệ tử”, đâu giống mấy chuyện bình thường.

Từ thừa mới về đơn vị, vì Anh độc thân và không có gia đình tại chỗ nên một người Trung Sĩ thường xuyên mời “Ông Thầy” về nhà chơi. Ròng rã mấy năm, mối quan hệ Thầy Trò càng khấn khít, nhất là khi Anh thăng cấp dần và người Trung Sĩ được gắn lon Thượng Sĩ. Chuyện lấy con gái cưng của vợ chồng ông Thượng Sĩ thuộc cấp này tự nhiên đến mà ngay chính Anh cũng ngạc nhiên khi nhận lời.

Không hẳn như tiền định, nhưng như một sắp đặt khó từ chối khi cha nàng ướm lời trong một bữa tiệc của đơn vị. Bây giờ nàng chỉ là một cô bé 18 tuổi đang học lớp 12. Đối với Anh, lấy vợ trong lứa tuổi cần lấy vợ, vào giai đoạn mà đàn ông, nhất là trong giới võ biên, thường nghĩ đến sau khi đã có một chút danh phận. Anh biết đây không phải là một mối tình say đắm vì Anh không còn ở lứa tuổi bông bột đam mê. Chính vì vậy Anh không có những rung động thật sự bên nàng, chưa có những câu nói tình tứ với nàng. Không phải châu chực sẵn đón nàng. Không có những kỷ niệm hữu tình, những khung cảnh lãng mạn bên nhau. Không luôn những phút lưu luyến, những cử chỉ gắn bó. Có một cái gì đó khiến cuộc sống vợ chồng có phần lỗi nhịp. Anh thường tự hỏi có thể số tuổi 12 năm cách nhau giữa vợ chồng khiến Anh thăm xem nàng như một người vợ bé bỏng cần nơi nương tựa vững vàng, và Anh một ông chồng quyền uy, vì nếu cần liên lạc với nàng, đôi khi anh chỉ nhìn qua cha nàng, thế là xong.

Còn về phía nàng?!

Nàng lớn lên trong một gia đình có khuôn khổ nề nếp

quân đội, với người cha cứng rắn trong phong cách. Khi cha mẹ nàng quyết định nàng nên lấy Anh, vừa là một ông Đại Úy vừa là một Ông Thầy, ông xếp của cha, nàng không có lý do từ chối và cãi lời cha mẹ. Có thể nàng cũng bị choáng ngợp vì Anh là thượng cấp của chính cha mình, vì Anh được cả trăm binh sĩ chào kính, vì Anh có chức vị đem đến sự ổn định cho cuộc sống tương lai... Yêu chồng hẳn là chưa yêu nhưng kính phục và thỏa mãn hãnh diện với chúng bạn là điều đương nhiên. Một vài người bạn cùng trường cũng có người yêu là lính, nhưng cùng lắm chỉ là chuẩn úy hay thiếu úy gì đó chứ làm gì tới chức Đại Úy như Anh. Nhìn Anh trong quân phục nàng thấy Anh hiên ngang và oai dũng, giống như cha mình vậy. Có được tấm chồng như Anh cũng được rồi, kén chọn chi nữa! Mẹ nàng đã chẳng từng nói như vậy, thêm rằng cha nàng nay là Thượng Sĩ và sẽ mãi mãi là Thượng Sĩ. Nhưng chồng tương lai của nàng nay là Đại Úy, mai đây lên lon, sẽ là Thiếu Tá, Đại Tá hoặc ngay cả Tướng cũng không chừng! Cả nhà ta sẽ thơm lây...

Khi vận nước thay đổi, chồng ở tù cải tạo, số tiền nhỏ nhoi dành dụm từ lương hàng tháng của chồng cạn mau. Gia đình nàng sa sút theo thời gian, bán dần đồ đạc của cải trong nhà cũng chẳng thể cứu vãn. 22 tuổi với 2 đứa con dại trong tay, chưa một lần đụng chạm với đời ngoài bốn phận làm vợ, làm mẹ, nay nàng đành bung ra thế giới bên ngoài tìm cách mua bán làm ăn, bôn ba hùn hạp với các bạn hàng khác và đơn độc chống trả nhiều cạm bẫy. Quá mệt mỏi và tinh thần căng thẳng, nàng chẳng có mấy thì giờ nghĩ đến chồng. Nhưng ông trời không có mắt, mớ vốn liếng ít ỏi cũng mất sạch. Cha nàng, người từng dạy khôn nàng phải lấy ông Thầy Đại úy của mình, nay lão nhãi muốn nàng bỏ chồng- vì trước sau gì nó cũng không có ngày về và sẽ chết trong tù- để lấy người bạn học trước đây với nàng. Người đó chạy mỗi bán thuốc tây và hàng ngoại rất khâm khá và tháo vát. Đến đường cùng và để tránh bị đuổi đi kinh tế mới, nàng đành buông theo số phận, yên lặng bỏ người chồng trước. Biết làm như vậy là có lỗi nặng với chồng

trước, nhưng thà nàng về làm vợ với một người đứng đắn, từng quen biết và thâm kín yêu nàng qua bao nhiêu năm còn hơn là phải nhắm mắt chung chạ với cả trăm người đê mưu sinh. Có trời mới hiểu được cái khổ của nàng trong quyết định mà bên nào cũng chỉ là phần thua thiệt.

Từ khi định cư, qua thời gian sống chung với các con, nghe các con gái kể chuyện về Mẹ, nhắc Mẹ từng yêu thương chăm sóc cho chúng, bảo vệ chúng khi bị bạn hàng xóm ăn hiếp; và Ba Dượng curu mang đùm bọc cả gia đình, yêu thương chúng như con ruột của mình, y như 2 đứa nhỏ sau này. Chúng ghi nhận từ ngày có Ba Dượng, cuộc sống gia đình có phần ổn định hơn. Các con Anh chẳng được biết nhiều về Bố của mình cho đến ngày Anh xuất hiện. Bà Ngoại có giải thích đôi chút, nhưng Mẹ vẫn giữ im lặng. Chúng luôn bên vực Mẹ và bày tỏ ước mong Bố thấu hiểu cảnh khổ của Mẹ và gia đình nhất là trong những năm đầu sau khi Bố đi tù. Tâm sự của các con và lời rao giảng của vị Mục Sư giúp lòng Anh nhẹ hẳn từ đó. Không còn thắc mắc về những bất hạnh xảy ra cho đời mình trước đây, Anh dần dần thấy cuộc đời trong sáng hơn và có lại niềm tin vui.

Các con Anh đã làm giấy tờ bảo lãnh Mẹ, Ba Dượng và 2 em qua Mỹ. Chính Anh là người thúc đẩy làm giấy tờ, và theo dõi tình trạng cứu xét đơn. Anh thường nhắc nhở 2 con gái dành dụm tiền gửi về cho Mẹ và Ba Dượng. Chính Anh cũng thường xuyên đóng góp phần mình. Thỉnh thoảng Anh có nhận một vài lời gởi thăm của nàng qua thư con gái. Trong một thư gần đây nhất, nàng viết “Xin hãy tha thứ cho em và tha thứ cho nhau”. Như một trả lời cho lá thư dài Anh gởi nàng kèm theo trong cùng lá thư của con mà trong đó Anh đã viết, lần đầu tiên, lời cảm ơn nàng đã thay Anh nuôi 2 con gái từ nhỏ cho đến khôn lớn, trong suốt thời gian Anh không có mặt và cả 7-8 năm sau khi Anh ở tù về. Nay đến phiên Anh sẽ tiếp tục chăm sóc các con cho nên người tốt. Anh không quên nhấn mạnh lòng biết ơn của mình đối với nước Mỹ đầy tình người. Nhờ đó Anh mới giác ngộ và tìm thấy mùa xuân đang từ từ nở muộu trong tuổi già.

Hè 2009, chúng tôi lại gặp nhau, lần này được giới thiệu với một cặp vợ chồng trẻ tuổi hơn. Họ là Mẹ và Ba Dượng của 2 con gái, vừa được bảo lãnh qua Mỹ khoảng 6 tháng. Xum họp nào cũng vang dậy những tiếng cười, tiếng vỗ tay, tiếng tụng niệm và những lời chúc tụng. Đó là âm thanh của vui mừng hội ngộ, của hạnh phúc, của tình thân lẫn trong giọng nói của Anh, sáng khoái và nồng ấm.

Mẹ và Ba Dượng cùng một con trai và một con gái tạm thời ở chung với gia đình con gái đầu của Anh. Con gái đầu nay làm chủ 2 tiệm nail và có 3 con. Chồng người Việt và làm về bảo hiểm. Con gái thứ hai của Anh là một Registered Nurse từ nhiều năm qua, hiện làm cho một bệnh viện trong thành phố; lập gia đình với chồng người Mỹ chuyên viên về Siêu Âm và có 2 con. Con trai lớn kêu Anh bằng Tía, một kỹ sư điện, có vợ người Mỹ gốc Mễ và 2 con. Con trai thứ hai cũng kêu Anh bằng Tía, hành nghề Physical Therapist, lấy vợ Mỹ gốc Trung Hoa, cùng nghề với chồng và cũng có 2 con. Mẹ đang theo học nghề nail với con gái lớn. Ba Dượng đang lấy lớp học Anh Văn ở Đại Học Cộng Đồng. Con trai đầu của Mẹ và Ba Dượng có ý muốn theo học ngành cơ khí sửa xe hơi, và con gái út dự định học Medical Assistant.

Đại gia đình họ ở trong cùng một thành phố với nhau, nhà này cách nhà kia không quá 15 phút lái xe. Tôi chọc Anh mỗi khi họp mặt gia đình kiểu Hiệp Chúng Quốc này, làm sao biết tên để gọi nhau cho đúng mà không sợ lộn xộn. Anh nhanh chóng trả lời dễ ợt. Nếu kêu Bố hay Tía thì đó là Anh, kêu Má tức là vợ sau của Anh, kêu Mẹ tức là vợ của Dượng đồng thời mẹ của 2 con gái Anh và của 2 đứa con trai và con gái sau này. Nếu nghe gọi Ba hay Ba Dượng thì đó là dượng sau của mấy đứa con gái Anh. Còn 9 đứa cháu, chỉ cần kêu Grand Pa và Grand Ma là đủ. Và chúng có đầy đủ 2 sets Grand Pa và Grand Ma.

Chuyến đi chơi liên tiểu bang đầu tiên của đại gia đình Anh, với tất cả con trai gái, dâu rể và cháu nội ngoại. Lớn

nhỏ tất cả gồm 23 người, trong một đoàn convoi nhiều xe do Anh lên chương trình kế hoạch, chỉ huy và dẫn đầu. Cuộc đi chơi này là một món quà đón mừng Mẹ và Ba Dượng được đoàn tụ. Chốc nữa, Anh sẽ lái xuống San Diego đến chỗ hẹn với các xe kia. Mọi người cười lớn khi nghe tôi nói Anh bây giờ xê hơn trước nhiều vì bị giáng cấp, từ một Tiểu Đoàn Trưởng nay chỉ là một Trung Đội Trưởng, lúc xưa hét ra lửa và oai biết bao nhiêu, bây giờ con cháu sai đâu chạy đó. Anh thành thật trả lời Anh may mắn nhiều và rất hạnh phúc mới còn có trung đội để chăm lo.

Phải chăng sự cởi mở về tư tưởng, sự bao dung và quảng đại của xã hội Mỹ đã khiến con người dễ hướng thiện và vị tha. Rõ ràng nhất, nước Mỹ luôn mở rộng tâm lòng đón nhận các nạn nhân chiến tranh, tạo cho họ mọi cơ hội để vươn lên, làm lại cuộc đời. Ở đâu trên thế giới có thiên tai là ở đó có sự hiện diện và giúp đỡ của nước Mỹ. Ngoài đường phố, trong hội quán, đâu đâu cũng nghe những chào hỏi thân mật và tiếng cảm ơn. Từ trường học cho đến cơ sở công tư, nhà thờ, đâu đâu cũng kêu gọi làm việc thiện nguyện, thăm viếng người già cô đơn, giúp đỡ kẻ bất hạnh, nghèo khó, tàn tật. Đâu đâu cũng đóng góp cho quỹ cứu trợ, cứu đói, cứu giúp người vô gia cư... Và đâu đâu cũng có những câu chuyện, dĩ nhiên, tương tự như câu chuyện của Anh. Những câu chuyện muôn thừa của tình thương và tha thứ, của khoan hồng độ lượng.

Tin giờ chót, vợ chồng người Thượng Sĩ già cũng vừa xum họp với đại gia đình, qua sự bảo trợ của chính con gái mình. Chúng tôi hẹn sẽ đến thăm Anh vào dịp lễ Thanksgiving năm nay. Trước là để chung vui, kể để xem thử ai là người trung đội trưởng của clan. Vẫn là Anh hay Anh đã truyền chức lại cho người thuộc hạ thân tình ngày xưa.

Vĩnh Chánh

May 2015. Mission Viejo, CA